

Bản án số: 610/2022/HC-PT

Ngày: 11 - 8 - 2022

V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 60/2022/TLPT-HC ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1112/2021/HC-ST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 238/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị Thảo L (có mặt)

Địa chỉ: C10/184 Ấp 3, xã ĐP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H

Địa chỉ: 86 LTT, phường BN, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

2/ Ủy ban nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 349 TT, thị trấn TT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện BC: Ông Nguyễn Văn T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Phạm Thị Thảo L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/9/2018, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/02/2021 và những lời khai trong quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Phạm Thị Thảo L trình bày:

Phần đất tại địa chỉ B2/43A ấp 2, xã ĐP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do cha mẹ bà là ông Phạm Văn Ch và bà Nguyễn Thị Đ mua của ông Ngô Văn L1 vào năm 1992. Trên phần đất có 02 căn nhà, 01 căn nhà xây dựng năm 1992 có xác nhận của chính quyền xã ĐP, huyện BC và 01 căn nhà xây dựng năm 2001. Từ năm 1992 trở đi, gia đình bà đã đóng thuế đầy đủ theo quy định. Đến năm 2001 thì gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất trên với diện tích 1.527m² thuộc thửa số 512, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại Ấp 2, xã ĐP, huyện BC.

Năm 2011, gia đình bà nhận được quyết định phần đất tại địa chỉ B2/43A ấp 2, xã ĐP, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh bị ảnh hưởng bởi dự án mở rộng Quốc lộ 50, sau đó là dự án đường cao tốc Bến Lức – Long Thành. Phần đất trên thuộc thửa số 511, tờ bản đồ số 11, theo Tài liệu 02/CT-UB được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2305/QSDĐ/ĐT ngày 26/4/2001 và một phần đất thuộc thửa số 512, tờ bản đồ số 11 theo Tài liệu số 02/CT-UB có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2268/QSDĐ ngày 26/4/2001.

Nhà nước thu hồi đất của gia đình bà theo diện giải tỏa trắng, Nhà nước phải đền bù cho gia đình bà, gia đình bà không có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Bà không đồng ý phần nghĩa vụ tài chính phải nộp vào Ngân sách nhà nước trong bảng chiết tính bồi thường hỗ trợ bổ sung số 3294/PCT-BBT ngày 08/01/2018 của Ủy ban nhân dân huyện BC. Bà không đồng ý thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với diện tích 250m² tính đơn giá 4.300.000 đồng x 50% = 2.150.000 đồng với tổng số tiền phải đóng là 537.500.000 đồng, thực hiện nghĩa vụ tài chính do nhà xây trước ngày 26/4/2001. Phần diện tích 250m² thuộc thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11 có căn nhà xây dựng từ năm 1992 theo quy định của Luật đất đai là nhà xây dựng trước năm 1993 thì không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Ủy ban nhân dân huyện BC giải quyết bồi thường, yêu cầu gia đình bà thực hiện nghĩa vụ tài chính là không thỏa đáng.

Bà yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể là hủy bỏ Điều 1 phần quyết định của Quyết định số 3105/QĐ-UBND và hủy một phần Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện BC về nội dung xác định nghĩa vụ tài chính.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thảo L.

Tại văn bản số 1667/UBND, ngày 27/4/2021, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện BC trình bày ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ pháp lý: Theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 01/HĐĐĐ/BBT ĐP239 do Công ty TNHH đo đạc thiết kế xây dựng An Lạc ngày 21 tháng 10 năm

2013, được Ủy ban nhân dân xã ĐP xác nhận ngày 22 tháng 11 năm 2013 và Bản vẽ hiện trạng vị trí số 01/HĐĐĐ/BBT-ĐP239 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc thiết kế xây dựng An Lạc ngày 23 tháng 8 năm 2017, được Ủy ban nhân dân xã ĐP xác nhận ngày 16 tháng 7 năm 2018, thì ông Phạm Văn Ch có phần đất bị ảnh hưởng trong dự án với diện tích: 680,9m² thuộc một phần thửa 511 (thửa cũ 166), 512 (thửa cũ 167), tờ bản đồ số 11, theo tài liệu 02/CT-UB có diện tích 680,9m² (tương ứng một phần các thửa số 42, 43, 47, tờ bản đồ số 44, theo tài liệu 2005) Bộ địa chính xã ĐP, huyện Bình Chánh, hiện trạng trên đất: nhà, vườn, sân xi măng.

Căn cứ Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong dự án đường cao tốc Bến Lức – Long Thành, đoạn đi qua địa bàn huyện BC ngày 07 tháng 8 năm 2014 của ông Phạm Văn Ch – Nguyễn Thị Đ đại diện, được Ủy ban nhân dân xã ĐP xác nhận ngày 18 tháng 8 năm 2014, có nội dung như sau:

“Về đất, nguồn gốc, tình trạng pháp lý của lô đất nhận chuyển nhượng, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2305 QSDĐ/ĐP ngày 26/4/2001 và số 2268 QSDĐ/ĐP ngày 26/4/2001. Ông (bà) nêu trên đã sử dụng đất năm 1992. Diện tích sử dụng theo hiện trạng: 680,9m². Gồm một phần thửa: 166, 167; tờ bản đồ số: 11; Theo tài liệu 02/CT-UB, tương ứng trọn thửa: 42, 43, 47; tờ bản đồ số: 14; theo tài liệu bản đồ đo mới.

Về nhà: Nguồn gốc, tình trạng pháp lý của căn nhà: Tự xây dựng năm 1992 đến tháng 5/2001 sửa chữa xây dựng coi nói. Thời điểm xây dựng căn nhà và thời điểm sửa chữa, xây dựng lại (nếu có): Năm 1992. Mục đích sử dụng căn nhà: Để ở. Hiện căn nhà có tranh chấp: Không”.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2268/QSDĐ/ĐP ngày 26 tháng 4 năm 2001 của Ủy ban nhân dân huyện BC cấp cho ông Phạm Văn Ch thuộc thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11 (theo tài liệu 02/CT-UB), với diện tích 1527m², loại đất: lúa;

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2305 QSDĐ/ĐP ngày 26 tháng 4 năm 2001 của Ủy ban nhân dân huyện BC cấp cho ông Phạm Văn Ch thuộc thửa đất số 511, tờ bản đồ số 11 (theo tài liệu 02/CT-UB), với diện tích 772m², loại đất: lúa;

2. Về việc thu hồi đất: Ngày 21 tháng 01 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 2096/QĐ-UBND về thu hồi đất do ông Phạm Văn Ch sử dụng tại xã ĐP để thực hiện Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức Long Thành trên địa bàn huyện BC;

3. Về lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ Phương án số 18/PA-HDBT ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành, trên địa bàn huyện BC được Ủy ban nhân dân huyện BC phê duyệt tại Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014.

Ngày 01 tháng 10 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 13069/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với ông Phạm Văn Ch (Theo Phiếu chiết tính số 1251/PCT-BBT ngày 17 tháng 9 năm 2014 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng), cụ thể:

Bồi thường về đất: Bồi thường đất nông nghiệp trong khu dân cư mặt tiền đường quốc lộ 50: $149,1\text{m} \times 897,500 \text{ đồng} = 133.817.250 \text{ đồng}$.

Bồi thường đất nông nghiệp trong khu dân cư không mặt tiền đường quốc lộ 50: $531,8\text{m} \times 826.500 \text{ đồng} = 439.532.700 \text{ đồng}$.

Bồi thường về vật kiến trúc với số tiền: 477.083.600 đồng.

Bồi thường về tài sản khác: 1.738.673 đồng.

Bồi thường về cây trồng, hoa màu: 20.828.273 đồng.

Hỗ trợ di chuyển: 4.000.000 đồng.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: 1.077.000.223 đồng.

Ngày 12 tháng 8 năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 6997/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với ông Phạm Văn Ch (ông Phạm Văn Ch đã chết, gia đình kê khai di sản thừa kế theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 002520/2015/CCBH ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Văn phòng Công chứng Bình Hưng), (theo Phiếu chiết tính số 1931/PCT-BBT ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng), cụ thể:

Bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất:

Bồi thường đất ở mặt tiền Quốc lộ 50 diện tích 250m^2 : $250\text{m}^2 \times 11.608.000 \text{ đồng} = 2.902.000 \text{ đồng}$.

Bồi thường, hỗ trợ bổ sung về đất nông nghiệp trong khu dân cư không mặt tiền đường quốc lộ 50: $430,9\text{m}^2 \times 826.500 \text{ đồng} = 356.138.850 \text{ đồng}$

Khấu trừ số tiền đất tại Phiếu chiết tính số 1251/PCT-BBT ngày 17 tháng 9 năm 2014: - 573.349.950 đồng.

Tổng chi phí bồi thường bổ sung: 2.684.788.900 đồng.

Ngày 20 tháng 10 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 9992/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với ông Phạm Văn Ch Công Phạm Văn Ch đã chết, gia đình kê khai di sản thừa kế theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 002520/2015/CCBH ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Văn phòng Công chứng Bình Hưng), (theo Phiếu chiết tính số 2446/PCT-BBT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng), cụ thể:

Bồi thường, bổ sung về đất:

Bồi thường đất nông nghiệp trong khu dân cư mặt tiền đường Quốc lộ 50: $430,9\text{m}^2 \times 1.679.942 \text{ đồng} = 723.887.008 \text{ đồng}$.

Khấu trừ mục 2.2, khoản 2, phần II của Phiếu chiết tính số 1931/PCT BBT ngày 10 tháng 7 năm 2015: -356.138.158 đồng.

Bồi thường về tài sản khác: 26.884.000 đồng.

Hỗ trợ suất đầu tư cơ sở hạ tầng: 202.250.000 đồng.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung là: 596.882.158 đồng.

Do không đồng ý với Quyết định số 9992/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện BC, bà Phạm Thị Thảo L khiếu nại tại Thanh tra huyện BC yêu cầu: “Bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 430,9m² đất theo đơn giá đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không công nhận là đất ở”.

Ngày 08 tháng 9 năm 2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 11174/QĐ-UBND không công nhận nội dung đơn khiếu nại của bà Phạm Thị Thảo L;

Không đồng ý Quyết định giải quyết khiếu nại số 11174/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC, bà Phạm Thị Thảo L khiếu nại tại Thanh Tra Thành phố.

Cơ sở ban hành Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 về giải quyết khiếu nại (lần 2).

Nguồn gốc, quá trình sử dụng của gia đình ông Phạm Văn Ch đối với phần nhà, đất bị ảnh hưởng trong Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức - Long Thành trên địa bàn huyện BC như sau:

Phần đất của gia đình ông Phạm Văn Ch sử dụng bị thu hồi để thực hiện Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành trên địa bàn huyện BC có địa chỉ B2/43A ấp 2, xã ĐP, huyện BC, diện tích bị ảnh hưởng 680,9m². Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã ĐP ngày 18 tháng 8 năm 2014, phần đất không có tranh chấp, nguồn gốc do ông Phạm Văn Ch nhận chuyển nhượng năm 1992 bằng giấy tay.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 23 tháng 8 năm 2017 - phụ lục cho Bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng 01/HĐĐĐ/BBT-ĐP239 ngày 21 tháng 10 năm 2013 (có xác nhận của ông Phạm Văn Ch ngày 08 tháng 11 năm 2013 và Ủy ban nhân dân xã ĐP ngày 22 tháng 11 năm 2013) của Công ty TNHH Đo đạc Thiết kế xây dựng An Lạc, khu đất của gia đình ông Phạm Văn Ch bị thu hồi tại Dự án có diện tích 680,9m² thuộc một phần các thửa số 42, 47, loại đất TV và thửa số 43, loại đất Ao, tờ bản đồ số 44 theo Tài liệu năm 2005, tương ứng theo Tài liệu 02/CT-UB gồm:

Phần đất diện tích 149,1m² thuộc thửa số 511 (trong đó thửa 511-1 diện tích 75,5m², thửa 511-2 diện tích 73,6m²), tờ bản đồ số 11 theo Tài liệu 02/CT UB, loại đất 2L đã được Ủy ban nhân dân huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2305 QSDĐ/ĐP ngày 26 tháng 4 năm 2001.

Phần đất diện tích 531,8m² thuộc thửa số 512, bao gồm thửa 512-1 diện tích 450,6m², tờ bản đồ số 11 theo Tài liệu 02/CT-UB, loại đất L đã được Ủy ban nhân dân huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2268 QSDĐ/ĐP ngày 26 tháng 4 năm 2001 và thửa 512-2 diện tích 81,2m², tờ bản đồ số 11 theo Tài liệu 02/CT-UB chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về công trình trên đất, theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 23 tháng 8 năm 2017 - phụ lục cho Bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng 01/HĐĐĐ/BBT ĐP239 ngày 21 tháng 10 năm 2013, Bản vẽ điều tra hiện trạng nhà ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đo đạc Thiết kế xây dựng An Lạc và Văn bản số 2511/UBND ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã ĐP thì phần đất bị thu hồi có hiện trạng là sân xi măng diện tích 60m², tường rào diện tích 45,6m², bể lọc nước tổng diện tích 55,32m², 01 giếng khoan 200m, 02 căn nhà (tổng diện tích xây dựng là 248,15m²), trong đó:

Nhà 1 (diện tích 36,3m²) có một phần nhà nằm trên thửa số 511 và một phần nhà nằm trên thửa số 512, phần diện tích nhà 1 bị thu hồi bởi Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành trên địa bàn huyện BC là 19,32m² theo Phiếu chiết tính số 1251/CT-BBT ngày 17 tháng 9 năm 2014 của Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện BC, tự xây dựng thời điểm tháng 5 năm 2001 (sau thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Nhà 2 diện tích 96,53m² nằm hoàn toàn trên thửa số 512, xây dựng trước ngày 26 tháng 4 năm 2001 (trước thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); tương ứng là trên thửa số 47, tờ bản đồ số 44, Tài liệu năm 2005, vị trí mặt tiền đường Quốc lộ 50.

Như vậy, phần đất diện tích 680,9m² bị thu hồi tại Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức - Long Thành trên địa bàn huyện BC của ông Phạm Văn Ch có nguồn gốc nhận chuyển nhượng năm 1992 bằng giấy tay; sử dụng ổn định, không có tranh chấp, hiện trạng trên đất là vườn, có 02 căn nhà, sân xi măng, bể lọc nước, hồ chứa nước, trụ bê tông (tổng diện tích xây dựng là 248,15m²); gồm phần đất diện tích 149,1m² thuộc thửa số 511, tờ bản đồ số 11 theo Tài liệu 02/CT-UB (trong đó thửa 511-1 diện tích 75,5m², thửa 511-2 diện tích 73,6m²), loại đất 2L đã được Ủy ban nhân dân huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2305 QSDĐ/ĐP ngày 26 tháng 4 năm 2001, trên đất có một phần căn nhà 1 tự xây dựng thời điểm tháng 5 năm 2001 (sau thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và phần đất diện tích 531,8m² thuộc thửa số 512, tờ bản đồ số 11 theo Tài liệu 02/CT-UB (trong đó thửa 512-1, diện tích 450,6m² đã được Ủy ban nhân dân huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2268 QSDĐ/ĐP ngày 26 tháng 4 năm 2001, loại đất L, và thửa 512-2 diện tích 81,2m², chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), trên đất có một phần căn nhà 1 và toàn bộ căn nhà 2 xây dựng trước ngày 26 tháng 4 năm 2001 (trước thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); tương ứng một phần các thửa số 42, 47, loại đất TV và thửa số 43, loại đất Ao, tờ bản đồ số 44 theo Tài liệu năm 2005.

Căn cứ quy định tại điểm c, khoản 1 và điểm d, khoản 2, Điều 1 Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định hạn mức đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân: “Khu quy hoạch phát triển đô thị không quá 250m² và mục đích áp dụng hạn mức: “Bồi thường, hỗ trợ về đất ở cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất”.

Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 và khoản 3, khoản 4, Điều 2 Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định công nhận quyền sử dụng đất ở đối với trường hợp đất ở có vườn, ao:

“2. Đối với đất ở có vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở, người đang sử dụng có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở theo quy định tại khoản 4 Điều 87 Luật Đất đai năm 2003 thì diện tích đất ở có vườn, ao được xác định như sau: ...b) Trường hợp sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 thì diện tích đất ở có vườn, ao được xác định bằng một (01) lần hạn mức diện tích giao đất ở theo quy định tại . khoản 1, Điều 1 Quyết định này.

3. Đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 thì diện tích đất ở có vườn, ao được xác định theo mục b, khoản 2, Điều này.

4. Các trường hợp sử dụng đất theo khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này khi xác định diện tích đất ở thì tổng diện tích đất ở không được vượt quá diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng. Sau khi đã xác định diện tích đất ở theo quy định tại Điều này thì phần diện tích còn lại được xác định theo hiện trạng loại đất đang sử dụng”.

Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 15 Quyết định số 35/QĐ UBND ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp sử dụng đất có nhà ở nhưng không có giấy tờ hoặc có giấy tờ là đất nông nghiệp: “Trường hợp tự chuyển mục đích sử dụng làm nhà ở từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày có quyết định | thu hồi đất hoặc trước ngày công bố quy hoạch, cấm mốc phạm vi hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật và trước ngày 22 tháng 4 năm 2002, thì người đang sử dụng đất được hỗ trợ về đất ở bằng 100% đơn giá, nhưng phải trừ đi tiền sử dụng đất phải nộp theo mức thu quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP với diện tích đất ở thực tế đang sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định; phần diện tích đất ở vượt hạn mức và phần diện tích đất vườn ao trên cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở (nếu có) được bồi thường, hỗ trợ theo loại đất nông nghiệp ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ hợp lệ. theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy định này”;

Căn cứ quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 8 Nghị định số 198/2004/NĐ CP ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở do tổ chức sử dụng đất được Nhà nước giao đất không thu tiền

sử dụng đất, được Nhà nước cho thuê đất, tự chuyển mục đích sử dụng đất sang làm đất ở và đã phân phối đất ở đó cho cán bộ, công nhân viên của tổ chức trong thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này, cụ thể như sau: a) Thu tiền sử dụng đất bằng 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn chế mức giao đất ở; quy định này chỉ được thực hiện một lần đối với hộ gia đình, cá nhân; lần giao đất sau thu 100% tiền sử dụng đất”;

Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 1, Phần V Chương II Phương án số 18/PA-HĐBT của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức - Long Thành đã được Ủy ban nhân dân huyện BC duyệt tại Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 quy định: “Đơn giá đất ở mặt tiền đường Quốc lộ 50 là 11.608.000 đồng/m²;

Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 22 Quyết định 35/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn, ao không được công nhận là đất : “Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở dọc kênh mương và dọc tuyến đường giao thông thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 40% giá đất của thửa đất đó theo giá đất ở để tính bồi thường do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; diện tích được hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá năm (05) lần hạn mức giao đất ở theo quy định”;

Căn cứ quy định tại điểm a, khoản 1, Phần XIV Chương II Phương án số 18/PA-HĐBT của Hội đồng Bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức - Long Thành đã được Ủy ban nhân dân huyện BC duyệt tại Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014 quy định: “Đơn giá đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở mặt tiền đường Quốc lộ 50 là 5.018.200 đồng/m²;

Căn cứ Thông báo số 920/TB-VP ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về nội dung kết luận của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Hữu Tín tại buổi họp xem xét tiến độ thực hiện các Dự án Đường Cao tốc Bến Lức - Long Thành có nội dung: “Dự án Đường cao tốc Bến Lức - Long Thành: ...Về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được áp dụng chính sách của Dự án nào có lợi nhất cho người dân đối với toàn bộ diện tích đất bị thu hồi ở cả 02 dự án (theo chính sách của Dự án Quốc lộ 50)”;

Từ cơ sở trên, ngày 26 tháng 7 năm 2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 3105/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Thảo L (lần 2).

5. Cơ sở ban hành Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2019.

Căn cứ Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về giải quyết khiếu nại (lần 2) của bà Phạm Thị Thảo L, tại Điều 1 của Quyết định có nội dung:

“Điều 1:

- Công nhận nội dung khiếu nại của bà Phạm Thị Thảo L về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 430,9m² theo đơn giá đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở của Phương án số 18/PA-HĐBT về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành trên địa bàn huyện BC (5.018.200 đồng/m²) là đúng một phần.

- Công nhận một phần Quyết định số 11174/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC về giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị Thảo L.

Giao Ủy ban nhân dân huyện BC xác định nghĩa vụ tài chính mà bà Phạm Thị Thảo L phải thực hiện đối với phần diện tích 250m² được bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá đất ở và bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 281,8m² theo đơn giá đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở không được công nhận là đất ở vị trí mặt tiền đường Quốc lộ 50 của Phương án số 18/PA-HĐBT về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành trên địa bàn huyện BC (5.018.200 đồng/m²)”.

Từ cơ sở trên, ngày 01 tháng 4 năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 2840/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với ông Phạm Văn Ch (ông Phạm Văn Ch chết, gia đình kê khai di sản thừa kế theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 002520/2015/CCBH ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Văn phòng Công chứng Bình Hưng), (đính kèm theo Phiếu chiết tính số 3294/PCT-BBT ngày 08 tháng 01 năm 2019), cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất:

+ Đất ở mặt tiền đường Quốc lộ 50: 250m² x (11.608.000 đồng - (50% x 4.300.000 đồng)) = 2.364.500.000 đồng.

+ Đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư: 281,8m² x 5.018.200 đồng = 1.414.128.760 đồng.

+ Đất nông nghiệp trong khu dân cư, vị trí không mặt tiền đường Quốc lộ 50: 149,1m² x 1.679.942 đồng = 250.479.352 đồng.

+ Khấu trừ tại khoản 2, Phần II, Phiếu chiết tính số 1251/PCT-BBT ngày 17 tháng 9 năm 2014: - 573.349.950 đồng.

+ Khấu trừ tại khoản 2, Phần II, Phiếu chiết tính số 931/PCT-BBT ngày 10 tháng 7 năm 2015: - 2.684.788.900 đồng.

+ Khấu trừ tại khoản 2, Phần II, Phiếu chiết tính số 2446/PCT-BB ngày 16 tháng 5 năm 2016 - 367.748.158 đồng.

Số tiền nghĩa vụ tài chính phải nộp ngân sách nhà nước: 250m² x (50% x 4.300.000) = 2.150.000) = 537.500.000 đồng.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung là: 940.721.104 đồng, (trong đó số tiền nghĩa vụ tài chính phải nộp ngân sách nhà nước là: 537.500.000 đồng, số tiền hộ dân thực lãnh là: 403.221.104 đồng).

Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện BC đã ban hành 04 Quyết định bồi thường, hỗ trợ và bổ sung đối với ông Phạm Văn Ch (ông Phạm Văn Ch chết, gia đình kê khai di sản thừa kế theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 002520/2015/CCBH ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Văn phòng Công chứng Bình Hưng), với tổng số tiền: 5.299.392.385 đồng (trong đó hộ dân đã nhận số tiền: 1.077.00.223 theo Quyết định số 13069/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện BC).

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân huyện BC đã ban hành Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2019 là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố xét xử theo hướng không công nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Thảo L, giữ nguyên nội dung Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện BC.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1112/2021/HC-ST ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thảo L đề nghị hủy một phần Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể là hủy bỏ Điều 1 phần quyết định của Quyết định số 3105/QĐ-UBND và hủy một phần Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện BC về nội dung xác định nghĩa vụ tài chính.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/11/2021 người khởi kiện bà Phạm Thị Thảo L kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể là hủy bỏ Điều 1 phần quyết định của Quyết định số 3105/QĐ-UBND và hủy một phần Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện BC về nội dung xác định nghĩa vụ tài chính. Người bị kiện vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Bà Ly có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Ly, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hoặc xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Thực hiện Dự án xây dựng đường cao tốc Bến Lức – Long Thành trên địa bàn huyện BC, Ủy ban nhân dân huyện BC có quyết định thu hồi đất do ông Phạm Văn Ch sử dụng tại xã ĐP với tổng diện tích thu hồi là 680,9m² thuộc bộ địa chính xã ĐP. Quá trình bồi thường, hỗ trợ, bà Phạm Thị Thảo L (người thừa kế của ông Phạm Văn Ch) có đơn khiếu nại không đồng ý với các quyết định bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện BC và kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện BC. Ngày 26/7/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3105/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần 2, có nội dung chấp nhận một phần khiếu nại của bà Ly về việc bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 430,9m² theo đơn giá đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở, nhưng không được công nhận là đất ở; Giao Ủy ban nhân dân huyện BC xác định nghĩa vụ tài chính mà bà Ly phải thực hiện đối với phần diện tích 250m² được bồi thường, hỗ trợ theo đơn giá đất ở và bồi thường, hỗ trợ phần diện tích 281,8m² theo đơn giá đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở. Căn cứ Quyết định số 3105/QĐ-UBND, ngày 01/4/2019 Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định số 2840/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với ông Chiến. Không đồng ý với nội dung xác định nghĩa vụ tài chính, bà Ly (người thừa kế của ông Chiến) khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy phần này trong Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 26/7/2008 và Quyết định 2840/QĐ-UBND ngày 01/4/2019.

[3] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 26/7/2008 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, và Quyết định số 2840/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện BC được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định.

[4] Về nội dung:

- Theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 01/HĐĐĐ/BBT-ĐP239 do Công ty đo đạc thiết kế xây dựng An Lạc ngày 21/10/2013 được Ủy ban nhân dân xã ĐP xác nhận ngày 22/11/2013, và Bản vẽ hiện trạng vị trí số 01/HĐĐĐ/BBT-ĐP239 do Công ty đo đạc thiết kế xây dựng An Lạc ngày 23/8/2017 được Ủy ban nhân dân xã ĐP xác nhận ngày 16/7/2019, phần đất của ông Chiêu bị thu hồi có diện tích 680,9m² thuộc một phần thửa 511 (thửa cũ 166), 512 (thửa cũ 167) tờ bản đồ số 11 theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần thửa số 42,43,47, tờ bản đồ số 44, theo tài liệu 2005), hiện trạng trên đất là nhà, vườn, sân xi măng.

- Theo phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong dự án ngày 07/8/2014 của ông Chiến, bà Đẹp, được Ủy ban nhân dân xã ĐP xác nhận ngày 18/8/2014 có nội dung:

+ Nguồn gốc: Đất nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2305/QSDĐ/ĐP ngày 26/4/2001 và số 2268/QSDĐ/ĐP ngày 26/4/2001. Thời điểm sử dụng đất từ năm 1992; Diện tích sử dụng theo hiện trạng 680,9m² thuộc một phần thửa 511 (thửa cũ 166), 512 (thửa cũ 167) tờ bản đồ số 11 theo tài liệu 02/CT-UB (tương ứng một phần thửa số 42,43,47, tờ bản đồ số 44, theo tài liệu 2005).

+ Về nhà: Tự xây dựng năm 1992 đến tháng 5/2001 sửa chữa, xây dựng coi nới; Thời điểm xây dựng căn nhà và sửa chữa năm 1992; Mục đích để ở; Hiện nhà không có tranh chấp

- Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2268 QSDĐ/ĐP ngày 26/4/2001 của Ủy ban nhân dân huyện BC diện tích đất cấp cho ông Chiến thuộc thửa đất số 512, tờ bản đồ số 11 (theo tài liệu 02/CT-UB), diện tích 1.527m², loại đất lúa và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2355 QSDĐ/ĐP ngày 26/4/2001 của Ủy ban nhân dân huyện BC diện tích đất cấp cho ông Chiến thuộc thửa đất số 511, tờ bản đồ số 11 (theo tài liệu 02/CT-UB), diện tích 772m², loại đất lúa.

- Căn cứ quy định Điểm c khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07/01/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định hạn mức đất ở đối với hộ gia đình, cá nhân quy định: “Khu quy hoạch phát triển đô thị không quá 250m²” mục đích áp dụng hạn mức: “Bồi thường, hỗ trợ về đất ở cho hộ gia đình, cá nhân khi nhà nước thu hồi đất”; Điểm b khoản 2 và khoản 3, khoản 4 Điều 2 của Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 07/01/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định công nhận quyền sử dụng đất ở đối với trường hợp đất ở có vườn, ao; Khoản 4 Điều 87 Luật đất đai năm 2003 và điểm b khoản 2 Điều 15 Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về bồi thường, hỗ trợ đối với trường hợp sử dụng đất có nhà ở nhưng không có giấy chứng nhận hoặc có giấy chứng nhận là đất nông nghiệp: “Trường hợp tự chuyển mục đích sử dụng làm nhà ở từ ngày 15/10/1993 đến trước ngày có quyết định thu hồi đất hoặc trước ngày công bố quy hoạch, cấm mốc phạm vi hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật và trước ngày 22/4/2002 thì người đang sử dụng đất được hỗ trợ về đất ở bằng 100% đơn giá, nhưng phải trừ đi tiền sử dụng đất phải nộp theo mức thu quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 198/NĐ-CP với diện tích đất ở thực tế đang sử dụng nhưng không được vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định”, Ủy ban nhân dân huyện BC ban hành Quyết định 2840/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất bị thu hồi của gia đình ông Chiến là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

- Bà Phạm Thị Thảo L cho rằng hàng năm bà có nộp tiền thuế sử dụng đất và nhà bà xây dựng năm 1992, nên không phải chịu nghĩa vụ tài chính là không đúng. Vì tiền thuế sử dụng hàng năm mà bà nộp và nghĩa vụ tài chính (nộp tiền sử dụng đất) là hai loại thuế khác nhau, nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Ly là có căn cứ.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bà L có yêu cầu kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử

quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Ly phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bác yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Thảo L;

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 1112/2021/HC-ST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thảo L về việc đề nghị hủy một phần Quyết định số 3105/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể là hủy bỏ Điều 1 phần quyết định của Quyết định số 3105/QĐ-UBND và hủy một phần Quyết định số 2840/QĐ UBND ngày 01/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện BC về nội dung xác định nghĩa vụ tài chính.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị Thảo L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001361 ngày 14/12/2021 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- NKK (1);
- NBK (2);
- Lưu (10) 18b (ÁnPAT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trí Tuấn

